

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả cho các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu vực 01 Khu dân cư dọc tuyến Quốc Lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4607/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/05/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 240/TTr-STNMT ngày 29/2/2024 và đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại văn bản số 13/TTr-HĐBT ngày 30/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả cho các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu vực 01 Khu dân cư dọc tuyến Quốc Lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bổ sung bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là 212.072.000 đồng (*Hai trăm mười hai triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã: 207.914.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 4.158.000 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

(*Chi tiết có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tụ Công Hoàng



PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ BT, HT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ MÔ MẢ DI DỜI DO GPMB

Dự án: Khu vực 1, Khu dân cư dọc Quốc Lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số lượng mô mả di dời		Tổng mô	Giá trị BT, HT di dời mô mả theo đơn giá tại Quyết định 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 (đồng)		Giá trị BT, HT mô mả theo đơn giá tại Quyết định 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 (đồng)	Tổng giá trị BT, HT bổ sung (đồng)	Ghi chú
			Mô đất	Mô xây		Giá trị bồi thường mô mả	Hỗ trợ thêm kinh phí di dời mô mả			
a	b	c	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)+(5)-(6)	(8)
1	Nguyễn Văn Kham	Thôn Quang Hy	1	1	2	7.231.000	1.000.000	6.680.000	1.551.000	
2	Nguyễn Ngọc Tân	Thôn Quang Hy	5		5	17.963.120	2.500.000	15.645.120	4.818.000	
3	Trương Hoàng Nam	Thôn Quang Hy		17	17	145.769.090	8.500.000	136.319.520	17.949.570	
4	Phan Văn Bình	Thôn Quang Hy		1	1	13.685.204	500.000	12.556.520	1.628.684	
5	Nguyễn Minh Hùng	Thôn Hanh Quang	2		2	5.000.000	1.000.000	4.440.000	1.560.000	
6	Nguyễn Thị Gạo	Thôn Quang Hy		1	1	39.247.832	500.000	36.010.140	3.737.692	
7	Nguyễn Thị Kim Long	Thôn Quang Hy		1	1	4.531.000	500.000	4.260.000	771.000	
8	Huỳnh Ngọc Châu	Thôn Quang Hy		2	2	33.925.412	1.000.000	31.187.710	3.737.702	
9	Phan Tấn Phùng	Thôn Vĩnh Hy	55		55	144.500.000	27.500.000	129.100.000	42.900.000	
10	Nguyễn Công Phụng	Thôn Hanh Quang	8		8	20.000.000	4.000.000	17.760.000	6.240.000	
11	Nguyễn Thế Hùng	Thôn Quang Hy	6		6	21.828.900	3.000.000	19.001.400	5.827.500	

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số lượng mô mả di dời		Tổng mộ	Giá trị BT, HT di dời mô mả theo đơn giá tại Quyết định 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 (đồng)		Giá trị BT, HT mô mả theo đơn giá tại Quyết định 52/2021/QĐ- UBND ngày 24/8/2021 (đồng)	Tổng giá trị BT, HT bổ sung (đồng)	Ghi chú
			Mộ đất	Mộ xây		Giá trị bồi thường mô mả	Hỗ trợ thêm kinh phí di dời mô mả			
12	Nguyễn Tấn Tài	Thôn Quang Hy	6		6	15.000.000	3.000.000	13.320.000	4.680.000	
13	Phạm Xuân Ngự	Thôn Quang Hy	54	1	55	172.612.930	27.500.000	155.923.770	44.189.160	
14	Trương Thị Khanh, cháu: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Thôn Quang Hy	3		3	7.500.000	1.500.000	6.660.000	2.340.000	
15	Lê Xuân Hùng	Thôn Quang Hy	2		2	5.000.000	1.000.000	4.440.000	1.560.000	
16	Nguyễn Văn Thín	Thôn Vĩnh Hy	2		2	5.000.000	1.000.000	4.440.000	1.560.000	
17	Nguyễn Văn Nhị	Thôn Quang Hy		4	4	86.518.998	2.000.000	78.630.668	9.888.330	
18	Nguyễn Hữu Quôn	Thôn Vĩnh Hy	2		2	5.000.000	1.000.000	4.440.000	1.560.000	
19	Trần Thị Roi	Thôn Quang Hy	56	2	58	189.656.110	29.000.000	172.701.200	45.954.910	
20	Phan Minh Hòa	Thôn Quang Hy	5		5	12.500.000	2.500.000	11.100.000	3.900.000	
21	Đinh Văn Ty	Thôn Quang Hy	2		2	5.000.000	1.000.000	4.440.000	1.560.000	
I	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung		209	30	239	957.469.596	119.500.000	869.056.048	207.914.000	
II	Chi phí phục vụ GPMB (2%): (I) x 2%								4.158.000	
III	Tổng kinh phí BT, HT: (I) + (II)								212.072.000	